TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐĂK SONG
TỈNH ĐĂK NÔNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 67/2021/DS-ST
Ngày 12-8-2021
V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐĂK SONG, TỈNH ĐĂK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Mã Thị Kỳ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Quang và ông Hoàng Minh Hải;

Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Thúy Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Song.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tham gia phiên toà : Ông Đỗ Ngọc Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đắk Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 324/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2020 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2021/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2021 và các Quyết định hoãn phiên tòa số: 90/2021/QĐST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2021, số: 115/2021/QĐST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP K (viết tắt là Ngân hàng K).

Trụ sở: 40 – 42 – 44 P, Phường V, TP Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Đơn vị được ủy quyền: Ngân hàng TMCP K– Chi nhánh Đăk Lăk.

Địa chỉ: Số 146 H, Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hoài S, sinh năm: 1979 – Trưởng phòng Khách hàng cá nhân kiêm Trưởng phòng Khách hàng doanh nghiệp Ngân TMCP K – Chi nhánh Đăk Lăk (*Văn bản ủy quyền số: 374/UQ-NHKL ngày 03-6-2020*) – Có mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Xuân H, sinh năm: 1976 và bà Mai Thị C, sinh năm: 1981 – Vắng mặt (*Đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2*).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 11-6-2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 24-01-2019, ông Lê Xuân H và bà Mai Thị C có vay của Ngân hàng K số tiền 700.000.000 đồng, hai bên có ký Hợp đồng tín dụng số 74/19/HĐTD/0700 – 4223, hạn trả nợ gốc là 12 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên; Mục đích vay để đầu tư chăm sóc cà phê, tiêu, chăn nuôi bò, múc hồ chứa và xây nhà ở canh rẫy. Lãi suất cho vay là 11/%/năm; ngoài ra, lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn, mức phạt chậm trả lãi, hình thức thanh toán được quy định cụ thể tại hợp đồng tín dụng trên; hạn trả lãi là 03tháng/lần.

Để bảo đảm cho khoản vay ông Lê Xuân H và bà Mai Thị C có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 20/18/HĐTC – BĐS/0700 – 4223 ngày 09-01-2018 đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Đ, tỉnh Đăk Nông ngày 16-01-2018 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Đ cùng ngày 16-01-2018. Nội dung là thế chấp thửa đất số 37, tờ bản đồ số 127, diện tích 16.166m^2, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 954174 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 13-01-2014 đứng tên ông Lê Xuân H và bà Mai Thị C. Thửa đất tọa lạc tại Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông Lê Xuân H và bà Mai Thị C đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận. Do đó ông Lê Xuân H và bà Mai Thị C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng được ký kết với Ngân hàng.

Tính đến ngày 29-11-2019 ông Lê Xuân H và bà Mai Thị C còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 780.436.071 đồng, trong đó: Nợ gốc là 700.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn là 79.004.860 đồng; lãi phạt chậm trả lãi là 1.431.211 đồng.

Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Xuân H và bà Mai Thị C phải trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi còn nợ nêu trên và tính tiếp tiền lãi phát sinh từ ngày 30-11-2019 cho đến khi trả xong nợ vay theo lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng.

Trường hợp ông Lê Xuân H và bà Mai Thị C không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản mà ông Lê Xuân H và bà Mai Thị C thế chấp tại Ngân hàng để thu hồi nợ.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23-12-2020 thể hiện: Qua kiểm tra, xác minh, đo đạc trên thực tế và ráp bản đồ thì đặc điểm tứ cận các thửa đất xem xét, thẩm định đúng như các Giấy chứng nhận QSDĐ của thửa đất mà ông Lê Xuân H và bà Mai Thị C thế chấp tại Ngân hàng.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Xuân H và bà Mai Thị C trả tổng số tiền là 976.197.251 đồng, trong đó: Tiền nợ gốc là 700.000.000 đồng, lãi trong hạn đến 00 giờ ngày 11-8-2021 là 77.583.014 đồng, lãi quá hạn đến 00 giờ ngày 11-8-2021 là 184.638.904 đồng, lãi phạt chậm trả lãi là 13.975.333 đồng, đồng thời các khoản tiền lãi, lãi quá hạn, các khoản phí phát sinh do quá hạn được tiếp tục tính kể từ ngày 11-8-2021 đến khi thu hồi được toàn bộ nợ vay theo mức lãi suất, lãi quá hạn, các khoản phí phát sinh do chậm trả lãi thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký. Ngoài ra, Ngân hàng đề nghị được quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng nếu ông Lê Xuân H và bà Mai Thị C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ.

Đối với bị đơn ông Lê Xuân H và bà Mai Thị C: Kết quả xác minh xác định ông Lê Xuân H và bà Mai Thị C đã bỏ đi khỏi địa phương từ năm 2018, khi đi không thông báo với chính quyền địa phương, không khai báo tạm vắng, tạm trú nên không ai biết ông Lê Xuân H và bà Mai Thị C hiện nay đang ở đâu. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với ông Lê Xuân H và bà Mai Thị C bằng hình thức niêm yết và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng ông Lê Xuân H và bà Mai Thị C vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và về nội dung giải quyết vụ án, phát biểu như sau:

Qua nghiên cứu, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng thì thấy: Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; việc thụ lý giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong vụ án: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt tại Tòa án để làm việc là không chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc ông Lê Xuân H và bà Mai Thị C phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền nợ là 976.197.251 đồng, trong đó: Tiền nợ gốc là 700.000.000 đồng, lãi trong hạn đến 00 giờ ngày 11-8-2021 là 77.583.014 đồng, lãi quá hạn đến 00 giờ ngày 11-8-2021 là 184.638.904 đồng, lãi phạt chậm trả lãi là 13.975.333 đồng, đồng thời các khoản tiền lãi, lãi quá hạn, các khoản phí phát sinh do quá hạn được tiếp tục tính kể từ ngày 11-8-2021 đến khi thu hồi được toàn bộ nợ vay theo mức lãi suất, lãi quá hạn, các khoản phí phát sinh do chậm trả lãi thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký. Ngoài ra, Ngân hàng đề nghị được quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng nếu ông Lê

Xuân H và bà Mai Thị C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ.

Các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án: Bản sao Hồ sơ tín dụng, hồ sơ pháp lý của ngân hàng, hồ sơ khách hàng; là các tài liệu do nguyên đơn cung cấp. Ngoài ra, còn có một số tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập được lưu trong hồ sơ vụ án như bản tự khai của nguyên đơn; biên bản xem xét, thẩm định; kết quả thông báo, triệu tập đối với bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX xét thấy:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng K khởi kiện yêu cầu ông Lê Xuân H và bà Mai Thị C phải trả số tiền nợ gốc là 700.000.000 đồng và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số: 74/19/HĐTD/0700 – 4223 ngày 24-01-2019, đồng thời yêu cầu xử lý thế chấp nếu ông Lê Xuân H và bà Mai Thị C không trả được hoặc trả không đủ nợ nên quan hệ pháp luật được xác định là "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Lê Xuân H và bà Mai Thị C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thời hiệu khởi kiện: Từ tháng 4-2019 ông Lê Xuân H và bà Mai Thị C vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngày 11-6-2020 Ngân hàng khởi kiện là vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện, quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự.

[1.3]. Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng bằng các hình thức như trực tiếp (đối với nguyên đơn); niêm yết công khai và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng (đối với bị đơn) đúng theo Điều 173 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, quá trình giải quyết ông Lê Xuân H và bà Mai Thị C không có mặt tại Tòa án để làm việc. Như vậy, ông Lê Xuân H và bà Mai Thị C đã tự ý từ bỏ quyền được tham gia tố tụng, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình quy định tại Điều 6, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Lê Xuân H và bà Mai Thị C vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Xuân H và bà Mai Thị C theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Về nội dung và hình thức của hợp đồng: Ông Lê Xuân H và bà Mai Thị C có vay tiền của Ngân hàng K số tiền 700.000.000 đồng, thể hiện qua Hợp đồng tín

dụng số: 74/19/HĐTD/0700 – 4223 ngày 24-01-2019, thời hạn vay là: 12 tháng kể từ ngày 24-01-2019; lịch trả nợ vay như sau: Nợ gốc trả 01 lần khi đến hạn. Nợ lãi trả 03 tháng/lần; lãi suất cho vay: 11%/năm; mục đích vay là đầu tư chăm sóc cà phê, tiêu, chăn nuôi bò, múc hồ chứa nước và xây nhà ở canh rẫy. Xét thấy, việc thỏa thuận giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật nên hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng K với ông Lê Xuân H và bà Mai Thị C có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự và Luật các tổ chức tín dụng.

[2.2]. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng K yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Xuân H và bà Mai Thị C trả tổng số tiền nợ là 976.197.251 đồng, trong đó: Tiền nợ gốc là 700.000.000 đồng, lãi trong hạn là 77.583.014 đồng, lãi quá hạn là 184.638.904 đồng, lãi phạt chậm trả lãi là 13.975.333 đồng (toàn bộ lãi suất tính đến 00 giờ ngày 11-8-2021); Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng K với ông Lê Xuân H và bà Mai Thị C xác định số tiền vay, thời hạn trả nợ và lãi suất thỏa thuận như nguyên đơn trình bày là đúng; Ngân hàng K đã giải ngân cho ông Lê Xuân H và bà Mai Thị C số tiền 700.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông Lê Xuân H và bà Mai Thị C không trả nợ cho Ngân hàng khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết trong hợp đồng, vi phạm khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác"*. Mặc dù ông Lê Xuân H và bà Mai Thị C vẫn có mặt tại địa phương nhưng không chấp hành quy định nên việc Ngân hàng K khởi kiện yêu cầu ông Lê Xuân H và bà Mai Thị C trả nợ là có căn cứ. Do đó, cần áp dụng các Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự; các Điều 90, 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng K.

Đối với yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc thỏa thuận mức lãi suất trong hạn, quá hạn, phạt chậm trả, phạt vi phạm giữa Ngân hàng K với ông Lê Xuân H và bà Mai Thị C theo hợp đồng tín dụng nêu trên là phù hợp với Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc tính lãi trên số tiền gốc mà ông Lê Xuân H và bà Mai Thị C còn nợ, cụ thể: lãi trong hạn là 77.583.014 đồng, lãi quá hạn là 184.638.904 đồng, lãi phạt chậm trả lãi là 13.975.333 đồng (tiền lãi suất tính đến 00 giờ ngày 11-8-2021).

[2.3]. Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 20/18/HĐTC – BĐS/0700 – 4223 ngày 09-01-2018 giữa Ngân hàng K với ông Lê Xuân H và bà Mai Thị C, thấy rằng: Hợp đồng được lập thành văn bản, theo mẫu, công chứng tại Văn phòng công chứng Đ ngày 16-01-2018, cùng ngày đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Đ. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền

trên đất đối với thửa đất số 37, tờ bản đồ số 127, diện tích 16.166m^2, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 954174 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 13-01-2014, đứng tên ông Lê Xuân H và bà Mai Thị C. Thửa đất tọa lạc tại Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông. Việc thế chấp đúng quy định theo điểm a khoản 3 Điều 167; khoản 1 Điều 168 Luật đất đai; Điều 298, Điều 299, 317, 320 Bộ luật Dân sự. Do đó, hợp đồng thế chấp được lập giữa Ngân hàng K với ông ông Lê Xuân H và bà Mai Thị C là hợp pháp, yêu cầu khởi kiện của ngân hàng được chấp nhận nên cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo việc thu hồi nợ.

[3]. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là: 3.000.000đ *(Ba triệu đồng)*. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định là 4.000.000đ *(Bốn triệu đồng)* nên buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 3.000.000đ *(Ba triệu đồng)*, Tòa án đã hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định còn lại.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chấp nhận nên buộc bị đơn phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 91, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 298; 299, 317, 320, 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự; các Điều 90, 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 3 Điều 167; khoản 1 Điều 168 Luật đất đai; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K.

Buộc ông Lê Xuân H và bà Mai Thị C phải trả cho Ngân hàng TMCP K tổng số tiền 976.197.251đ (*Chín trăm bảy mươi sáu triệu một trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm năm mươi mốt đồng*), trong đó: Tiền nợ gốc là 700.000.000đ (*Bảy trăm triệu đồng*), lãi trong hạn là 77.583.014đ (*Bảy mươi bảy triệu năm trăm tám mươi ba nghìn không trăm mười bốn đồng*), lãi quá hạn là 184.638.904đ (*Một trăm tám mươi tư triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn chín trăm linh tư đồng*), lãi phạt chậm trả lãi là 13.975.333đ (*Mười ba triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm ba mươi ba đồng*), toàn bộ lãi suất tính đến 00 giờ ngày 11-8-2021.

Trường hợp ông Lê Xuân H và bà Mai Thị C không trả hoặc trả không đủ số tiền nợ thì Ngân hàng TMCP K được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp của ông Lê Xuân H và bà Mai Thị C để đảm bảo việc thu hồi nợ (*Theo hợp đồng thế chấp số 20/18/HĐTC – BĐS/0700 – 4223 ngày 09-01-2018*);

Kể từ ngày ngày 11-8-2021 khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định: Do Ngân hàng TMCP K đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*) nên buộc ông Lê Xuân H và bà Mai Thị C phải trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*); hoàn trả cho Ngân hàng TMCP K 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ còn lại (*Tòa án đã trả*).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Lê Xuân H và bà Mai Thị C phải nộp 41.286.000đ (*Bốn mươi mốt triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn đồng (làm tròn)*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền 17.609.000đ (*Mười bảy triệu sáu trăm linh chín nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0001750, ngày 22-6-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật;

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đắk Nông;*
- *VKSND huyện Đắk Song;*
- *Chi cục THA huyện Đắk Song;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(*Đã ký*)

Mã Thị Kỳ